Đơn vị: Trường THCS Cổ Bi
Chương: 622 - Loại 070 - Khoản 073

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cổ Bi, ngày 01 tháng 4 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Cổ Bi công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	600%
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**2840110**	**710027.5**	**25.00%**	**208828%**
1	Học phí	935550	233887.5	25.00%	**208828%**
2	Thu khác tại đơn vị	1904560	476140	25.00%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**2840110**	**710027.5**	**25.00%**	**207900%**
1	***Chi sự nghiệp chuyên môn***	374220.0	93555	25.00%	**207900%**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	***Thu khác tại đơn vị***	1904560	476140	25.00%	**0%**
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Học phí	561330.0	140332.5	25.00%	**209451%**
2	Phí				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**7999000**	**1585408**	**19.82%**	**1299%**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**7999000**	**1585408**	**19.82%**	**1299%**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ**	**7999000**	**1585408**	**19.82%**	**1299%**
	KP tiết kiệm 10% CCTL	0		0.00%	**0%**
	Chi thanh toán cá nhân	5,781,386	1192674	20.63%	**104%**
	Chè nước CBCC	8,400	6900	82.14%	**0%**
	Thanh toán dịch vụ công cộng	315,000	37179	11.80%	**159%**
	Chi phí thuê mướn	233,835	69360	29.66%	**123%**
	Chi phí hội nghị	18,500	0	0.00%	**0%**
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	20,400	300	1.47%	**1%**
	Vật tư văn phòng	147,500	69575	47.17%	**68%**
	Thanh toán công tác phí	21,600	5710	26.44%	**106%**
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1,061,629	180330	16.99%	**107%**
	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	350,000	23380	6.68%	**207%**

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Chi mua sắm TSCĐ vô hình	28,000		0.00%	**0%**
	Chi khác	12,750		0.00%	**0%**